TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HS-ST
Ngày 28-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sa Văn Linh
Bà Nguyễn Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sòi Hùng Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2024/HSST ngày 08 tháng 10 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Thị Đ**; Sinh ngày 01/12/1977 tại huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: bản C, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn L (đã chết) và bà Lò Thị N (đã chết); Bị cáo có chồng là Đinh Công V; sinh năm 1979 và có 02 con đều đã trưởng thành, hiện nay đều cư trú tại bản C, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cộng đồng bản C, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Người đại diện: ông Lường Văn T, sinh năm 1984 - Bí thư Chi bộ, Trưởng bản C, người đại diện theo ủy quyền là ông Lường Văn M, sinh năm 1977 (Phó Bí thư Chi bộ, phó trưởng bản C); Địa chỉ: Bản C, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS-BY ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, truy tố bị cáo Lò Thị Đ phạm tội "Hủy

hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trước đây khoảng 10 năm, gia đình Lò Thị Đ có xin gia đình anh Đinh Văn Khôn và chị Đinh Thị Bích, cư trú tại bản P 1, một mảnh đất có diện tích khoảng 200 mét vuông tại khu vực Suối Ban thuộc bản C xã P, tiếp giáp mảnh đất này là rừng sản xuất thuộc tiểu khu 412, khoảnh 5, lô 39. Sau khi xin được mảnh đất gia đình Lò Thị Đ dùng làm chỗ chăn thả gia súc. Vào khoảng đầu tháng 01/2024, do bản thân muốn mở rộng mảnh đất để có khu vực chăn thả gia súc và trồng cây bạch Đ nên một mình Lò Thị Đ đã đến khu rừng thuộc khu vực suối Ban thuộc ban C, xã P *(đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V041522, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00450QSDĐ, số 391/H-QĐ-UB/2002 của Chủ tịch UBND huyện B cấp cho cộng đồng bản, hàng năm cộng đồng bản được chi trả dịch vụ môi trường rừng)* để dọn dẹp cây cỏ dại và chặt hạ các cây gỗ trong khu rừng đó. Trong khoảng từ tháng 01/2024 đến tháng 02/2024, hàng ngày Đ đi bộ từ sáng sớm đến khu rừng trên sử dụng 01 chiếc liềm và 01 chiếc rìu để dọn dẹp cây cỏ và chặt hạ các cây gỗ. Đến khoảng tháng 02/2024 (không nhớ thời gian cụ thể) thì thực hiện xong việc chặt hạ cây ở khu rừng. Trong khu rừng có một số cây xoan và cây ban Đ không chặt hạ mà để lại có chỗ râm mát nghỉ ngơi. Các cây gỗ và cây cỏ dại sau khi phát, chặt hạ xong Đ để lại tại khu rừng. Ngày 13/4/2024, Công an xã P triệu tập bị can Lò Thị Đ lên làm việc, tiến hành kiểm tra và lập biên bản xác định nơi xảy ra vụ việc.

Ngày 25/04/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện B phối hợp với Viện KSND huyện B, Hạt kiểm lâm huyện B tiến hành khám nghiệm hiện trường, sử dụng phương pháp định vị GPS xác định vị trí và diện tích rừng bị Lò Thị Đ chặt phá, xác định khu rừng bị chặt phá thuộc Tiểu khu 412, khoảnh 5, lô 39 (lô quy hoạch 36) (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp là Tiểu khu 412, khoảnh 5, lô d), là khu đất rừng sản xuất, trạng thái rừng tự nhiên *(Theo quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2017-2025 và định hướng đến năm 2030)* có diện tích bị chặt phá là 8.800m^2. Tiến hành kiểm, đếm số lượng cây gỗ bị chặt hạ là 182 cây, có tổng khối lượng: 10,07m^3 (Mười phẩy không bảy mét khối).

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc rìu có chiều dài 84 cm; 01 chiếc liềm có chiều dài 48 cm và 182 cây gỗ với tổng khối lượng 10,07m^3.

Tại Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 02-2024/KL/ĐGCN ngày 20/6/2024 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Sơn La, kết quả: Toàn bộ 182 cây gỗ bị Lò Thị Đ chặt hạ tại khu rừng thuộc Tiểu khu 412, khoảnh 5, lô 39 (lô quy hoạch 36) có khối lượng 10,07m^3 là gỗ thông thường, không thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ

Tại kết luận kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 13/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận kết luận: Giá trị thiệt hại của 182 cây

gỗ có khối lượng 10,07m^3 được hội đồng định giá đưa ra là 15.649.850 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa công khai, bị cáo Lò Thị Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lò Thị Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1, Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Thị Đ mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự. Đề nghị chấp nhận bị cáo Lò Thị Đ đã tự nguyện bồi thường giá trị số lâm sản bị thiệt hại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 12.649.850 đồng thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 182 cây gỗ với tổng khối lượng 10,07m^3. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc rìu có chiều dài 84 cm; 01 chiếc liềm có chiều dài 48 cm.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo Lò Thị Đ phải chịu tiền án phí theo quy định chung của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Ý kiến của bị cáo Lò Thị Đ tự bào chữa: bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, và cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cộng đồng bản C, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Người đại diện theo ủy quyền: Lường Văn Mẫn (Phó Bí thư Chi bộ, phó trưởng bản C): Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, và được cải tạo giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Lò Thị Đ thừa nhận: Khoảng đầu tháng 01 năm 2024 bị cáo Lò Thị Đ đã một mình mang theo 01 chiếc liềm và 01 chiếc rìu đến khu vực suối Ban thuộc tiểu khu 412, khoảnh 5, lô 39 (lô quy hoạch 36) thuộc khu vực rừng tự nhiên là rừng sản xuất do Cộng đồng bản C, xã P quản lý. Bị cáo Lò Thị Đ đã sử dụng liềm và rìu chặt, phát rừng, mục đích để trồng cây bạch Đ và có chỗ chăn thả gia súc. Khu rừng bị cáo chặt, phát có diện tích là 8.800m^2. Số lượng cây gỗ bị thiệt hại 182 cây gỗ thông thường với tổng khối lượng là 10,07m^3 . Tại kết luận kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 13/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận kết luận: Giá trị thiệt hại là 15.649.850 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng, kết luận định giá tài sản, lời khai của người liên quan...

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lò Thị Đ đã thực hiện hành vi Hủy hoại rừng, tội danh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2)".

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình gây ra là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vì động cơ mục đích cá nhân là để có đất trồng cây bạch Đ và chăn thả gia súc, nên bị cáo đã thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, kỷ cương xã hội, bị cáo nhận thức được rằng rừng là tài nguyên quốc gia, Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm về rừng đang được nhà nước bảo vệ nghiêm ngặt. Hành vi của

bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước, xâm hại đến hệ sinh thái, ảnh hưởng đến sự bền vững và ổn định của môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tích cực bồi thường một phần giá trị lâm sản bị thiệt hại, và bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế. Bị cáo được gia đình, chính quyền địa phương xác nhận đơn xin bảo lãnh, giáo dục.

[5] Về hình phạt chính: Tòa cần xem xét cân nhắc xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm và nhân thân của bị cáo. Việc cách ly bị cáo một thời gian là không cần thiết, mà cần xem xét giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng có thể đảm bảo được điều kiện và thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục chung, đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[6] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *" 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*. Xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị lớn, bị cáo không có khả năng thi hành. Vì vậy Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lò Thị Đ đã chặt hạ trái phép cây rừng, trên diện tích 8.800 m^2 đất rừng sản xuất, gây thiệt hại 182 cây gỗ thông thường với tổng khối lượng là 10,07m^3, giá trị thiệt hại trực tiếp về lâm sản là 15.649.850 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng). Bị cáo Lò Thị Đ đã tự nguyện nộp tiền bồi thường một phần giá trị số lâm sản bị thiệt hại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La. Xét việc tự nguyện bồi thường trên phù hợp với pháp luật, nên Tòa cần ghi nhận, đồng thời cần buộc bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 12.649.850 đồng (Mười hai triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Cộng đồng bản C, xã P không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, cần chấp nhận. Theo quy định tại các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015.

[8] Về vật chứng vụ án:

Đối với số vật chứng gồm: 182 cây gỗ với tổng khối lượng 10,07m^3 do bị cáo Lò Thị Đ chặt hạ, cần tịch thu sung nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (Một) chiếc rìu có chiều dài 84 cm và 01 (Một) chiếc liềm có chiều dài 48 cm là của bị cáo Lò Thị Đ, bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm, vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo Lò Thị Đ không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí do vậy phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Lò Thị Đ phạm Tội: "Hủy hoại rừng".

- Xử phạt bị cáo Lò Thị Đ 14 (Mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện nhận được quyết định thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lò Thị Đ.

- Giao bị cáo Lò Thị Đ cho UBND xã P, huyện B, tỉnh Sơn La, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Lò Thị Đ phải bồi thường giá trị lâm sản bị thiệt hại tổng số tiền là 15.649.850 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng) thu nộp vào ngân sách nhà nước. Được khấu trừ đi số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000523 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Sơn La. Bị cáo Lò Thị Đ còn phải bồi thường tiếp số tiền 12.649.850 đồng (Mười hai triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng).

- Ghi nhận người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Cộng đồng bản C, xã P, huyện B không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 182 cây gỗ với tổng khối lượng 10,07m^3.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc rìu có chiều dài 84 cm; 01 chiếc liềm có chiều dài 48 cm .

(Chi tiết theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản của vụ án giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

4. Về Án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lò Thị Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 632.000 đồng (Sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng), tổng cộng cả hai khoản án phí là 832.000 đồng (Tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quy định chung của pháp luật.

" Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015".

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND-B;
- Công an-B;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã P;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS-B;
- THA.Hình sự;
- Lưu hồ sơ - Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Quàng Văn Thủy